

Phụ lục I
ĐỀ CƯƠNG DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2026-2030 CỦA CẢ NƯỚC
(Kèm theo văn bản số 16684/BTC-NSNN ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo
	PHẦN I: ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025	
I	Bối cảnh thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 bao gồm nhận định, phân tích và dự báo những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
1	Bối cảnh, tình hình thế giới, khu vực	
	Tác động của đại dịch COVID-19; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột chính trị, bất ổn xã hội, nhất là tại khu vực Ucraina-Nga, Trung Đông, Đông Nam Á, Nam Á, Châu Phi...; sự điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn, nhất là chính sách thuế quan mới của Hoa Kỳ; phát triển đột phá của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo, thương mại điện tử...; tình hình bất ổn kinh tế vĩ mô tại nhiều nền kinh tế; các vấn đề an ninh truyền thống và phi truyền thống như biến đổi khí hậu, thiên tai, bão lũ, bệnh dịch, khủng hoảng tài chính, an ninh mạng, tội phạm nguy hiểm xuyên biên giới, chủ nghĩa khủng bố...	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
2	Bối cảnh tình hình trong nước	
	Tập trung đánh giá điều kiện thuận lợi, khó khăn tác động đến kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển KTXH; trong đó hai năm cuối nhiệm kỳ đã thực hiện nhiều quyết sách mang tính lịch sử, có ý nghĩa chiến lược, nhất là cuộc “cách mạng” về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, xây dựng chính quyền địa phương hai cấp, các Nghị quyết trụ cột của Bộ Chính trị...	Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương
II	Kết quả đạt được theo các nhóm nhiệm vụ đã được Quốc hội giao tại Nghị quyết số 16/2021/QH15	

1	Kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19, bảo đảm đời sống xã hội trở lại hoạt động bình thường, tạo nền tảng quan trọng để phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội và được quốc tế đánh giá cao.	Bộ Y tế và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương
-	Triển khai các giải pháp phòng, chống dịch Covid-19 (như thực hiện Kết luận số 25-KL/TW ngày 30/12/2021 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ; triển khai chiến lược vắc-xin, chiến dịch ngoại giao vắc xin, chiến dịch tiêm chủng vắc xin miễn phí toàn quốc...)	Bộ Y tế và các bộ, cơ quan, địa phương liên quan
-	Kết quả triển khai thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan, địa phương liên quan
2	Ưu tiên tập trung thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát	
-	Điều hành, phối hợp đồng bộ, hài hòa, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác; đẩy mạnh các động lực tăng trưởng truyền thống (dầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu)	Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương và các bộ, cơ quan liên quan
+	Công tác quản lý giá, kiểm soát lạm phát theo mục tiêu hằng năm	Bộ Tài chính, Bộ Công Thương
+	Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước; quản lý thu ngân sách nhà nước chặt chẽ, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, khai thác tối đa nguồn thu còn dư địa và có giải pháp nuôi dưỡng nguồn thu hiệu quả, bền vững; triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên; kiểm soát chặt chẽ bội chi, nợ công, nợ chính phủ, nợ nước ngoài quốc gia trong giới hạn cho phép; nghiên cứu tiếp tục thực hiện miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, cơ cấu lại nợ.	Bộ Tài chính
+	Phát triển mạnh thị trường trong nước; thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại; du lịch	Bộ Công Thương, Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan, địa phương liên quan
+	Công tác xúc tiến thương mại, đa dạng hóa thị trường quốc tế gắn với nâng cao chất lượng sản phẩm, tham gia sâu, rộng hơn vào các chuỗi cung ứng khu vực, toàn cầu; khai thác hiệu quả các thị trường mới; phấn đấu thặng dư thương mại bền vững	Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao và các bộ, cơ quan liên quan

+	Điều hành các công cụ chính sách tiền tệ (tỷ giá, lãi suất, tín dụng...) góp phần ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối, kiểm soát lạm phát theo mục tiêu, cung ứng đủ, kịp thời vốn cho quá trình phục hồi và phát triển KTXH	Ngân hàng Nhà nước
-	Triển khai các Kết luận, Nghị quyết của Trung ương, Quốc hội về mục tiêu tăng trưởng (như Kết luận số 123-KL/TW của Trung ương, Nghị quyết số 192/2025/QH15...)	Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan, địa phương liên quan
3	Công tác hoàn thiện thể chế, nhất là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa	
-	Kịp thời thể chế hóa các chủ trương, đường lối Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả xây dựng và thi hành pháp luật theo Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị.	Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan liên quan
+	Xây dựng, trình Bộ Chính trị ban hành nhiều nghị quyết đột phá	
+	Số lượng dự án luật, nghị quyết trình Quốc hội xem xét, thông qua cả giai đoạn 2021-2025; số lượng Nghị định được ban hành (có so sánh với giai đoạn 2016-2020)	
-	Khẩn trương rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy định pháp luật không còn phù hợp, chồng chéo, chưa đầy đủ hoặc vướng mắc, nhất là về quy hoạch, đầu tư, kinh doanh, đất đai, tài chính, ngân sách, tài sản công, thuế...	Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan liên quan
-	Công tác cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện, quy định kinh doanh, xóa bỏ cơ chế “xin - cho”, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.	Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan liên quan
-	Đẩy mạnh hơn nữa phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm gắn với kiểm soát quyền lực và tăng cường phối hợp, kiểm tra, giám sát; tạo sự chủ động, linh hoạt, sáng tạo và nâng cao trách nhiệm của cấp dưới; thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù, phân cấp cho các địa phương	Các bộ, cơ quan liên quan
-	Xây dựng, thử nghiệm, hoàn thiện khung khổ pháp lý cho các mô hình kinh doanh mới ứng dụng công nghệ cao; mô hình kinh tế chia sẻ; giao dịch, quản lý các tài sản kỹ thuật số; đầu tư mạo hiểm; các phương thức thanh toán mới; hệ thống xác thực và định danh điện tử...	Các bộ, cơ quan liên quan
-	Phát triển ổn định, lành mạnh, bền vững các loại thị trường (thị trường tài chính, thị trường vàng, thị trường trái phiếu doanh nghiệp, thị trường bất động sản...)	Các bộ, cơ quan liên quan

-	Xử lý các vấn đề pháp lý phát sinh do sắp xếp bộ máy liên quan chính quyền địa phương 02 cấp, nhất là về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền	Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan liên quan
4	<i>Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh</i>	
-	Tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá dựa trên nền tảng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và những thành tựu công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.	
+	Phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng; ưu tiên công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ. Tập trung phát triển mạnh công nghiệp chế biến, chế tạo gắn với công nghệ thông minh; chú trọng phát triển công nghiệp xanh. Nâng cao năng lực thiết kế, thi công xây lắp, quản lý xây dựng theo hướng tiên tiến, hiện đại; phát triển các loại vật liệu xây dựng mới, thông minh, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường.	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng
+	Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp; phát triển kinh tế nông thôn và nông nghiệp hiệu quả cao gắn với xây dựng nông thôn mới. Phát triển nông nghiệp hàng hoá tập trung quy mô lớn theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, sạch, sinh thái, hữu cơ, công nghệ cao, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu. Hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, hợp tác xã nông nghiệp và các tổ hợp tác. Phát triển thị trường, thúc đẩy tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực, có tiềm năng.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
+	Đẩy mạnh phát triển và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ, ưu tiên những ngành có lợi thế, hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao. Phát triển các loại hình dịch vụ mới, xây dựng hệ sinh thái dịch vụ trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, pháp lý, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học, công nghệ, viễn thông, công nghệ thông tin, logistics, vận tải, phân phối... Xây dựng và định vị thương hiệu du lịch quốc gia gắn với hình ảnh chủ đạo, độc đáo, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc.	Bộ Công Thương, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
-	Cơ cấu lại một số lĩnh vực trọng tâm (đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức tín dụng)	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước
-	Thực hiện Chương trình quốc gia về tăng năng suất lao động; tập trung phát triển sản phẩm quốc gia. Hình thành các chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị trong nước và quốc tế, bảo đảm chất lượng, quy định về truy xuất nguồn gốc.	Bộ Tài chính, Bộ Công Thương

-	Phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị	Bộ Tài chính
-	Thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới (kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm, kinh tế tầm thấp, kinh tế tóc bạc...); phát triển trung tâm tài chính quốc tế, các khu thương mại tự do tại Việt Nam...	Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, cơ quan liên quan
5	<i>Tăng cường công tác huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực</i>	Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan liên quan
	- Đổi mới cơ chế phân bổ nguồn lực đầu tư, ưu tiên thu hút các nguồn lực phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, các cực tăng trưởng, các đô thị lớn, các ngành mũi nhọn, các công trình trọng điểm quốc gia. Phân đầu tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm bằng khoảng 32 - 34% GDP.	
	- Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các dự án đầu tư còn tồn đọng, kéo dài của mọi thành phần kinh tế để sớm đưa vào khai thác, sử dụng, tạo nguồn lực cho phát triển.	
	- Thu hút, hợp tác đầu tư nước ngoài theo hướng ưu tiên các dự án có công nghệ cao, không gây ô nhiễm môi trường, giá trị gia tăng cao, có mô hình quản trị hiện đại, có chuỗi cung ứng toàn cầu, có khả năng lan tỏa phát triển và kết nối chặt chẽ với khu vực kinh tế trong nước.	
	- Tăng cường liên kết giữa các khu vực kinh tế trong nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài; thu hút các nhà đầu chiến lược, các tập đoàn đa quốc gia và thành lập các trung tâm nghiên cứu-phát triển, đổi mới sáng tạo tại Việt Nam	
6	<i>Đẩy mạnh xây dựng, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược, đồng bộ, hiện đại</i>	
-	Hạ tầng giao thông vận tải. Trong đó đánh giá việc hoàn thành mục tiêu 3.000 km đường bộ cao tốc và 1.700 km đường ven biển; cơ bản hoàn thành tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông; giai đoạn 1 Cảng hàng không quốc tế Long Thành; các tuyến đường vành đai; một số tuyến đường sắt đô thị; hạ tầng giao thông đường thủy; cảng biển, cảng hàng không...	Bộ Xây dựng
-	Hạ tầng năng lượng (hoàn thành các dự án đường dây 500KV Quảng Bình - Hưng Yên, 500kV Lào Cai - Vĩnh Yên; tháo gỡ khó khăn, đưa vào vận hành một số dự án quan trọng như dự án nhà	Bộ Công Thương

	máy điện Sông Hậu 1, dự án nhà máy điện Thái Bình 2, dự án nhà máy nhiệt điện BOT Vân Phong 1, BOT Nghi Sơn 2, dự án điện khí Ô Môn...; hạ tầng thương mại	
-	Hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
-	Hạ tầng thông tin và truyền thông, hạ tầng số	Bộ Khoa học và Công nghệ
-	Hạ tầng cho giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, y tế, an sinh xã hội và các thiết chế văn hóa, thể thao	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Bộ Văn hóa, Thể thao – Du lịch
7	<i>Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với tạo đột phá thực chất trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia</i>	
-	Việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 193/2025/QH15 và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 về đột phá khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; trong đó, làm rõ một số nội dung sau:	Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, cơ quan, địa phương liên quan
+	Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, ưu tiên nguồn lực để khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh công nghệ mới thực sự là động lực chính của tăng trưởng kinh tế.	
+	Các trọng điểm đột phá khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cũng như chương trình hành động cụ thể của Bộ, cơ quan trung ương và địa phương	
+	Các dự án/nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 57-NQ/TW	
+	Đánh giá việc đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (như các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin, hệ thống các phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành ở các viện, trường đại học, hạ tầng thông tin và thống kê khoa học công nghệ, doanh nghiệp khoa học công nghệ, hạ tầng khoa học công nghệ khác như năng lượng nguyên tử...)	

-	Vận hành có hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và nền tảng kết nối, chia sẻ quốc gia; hình thành, kết nối đồng bộ và thống nhất hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, vùng và địa phương.	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an và các bộ, cơ quan, địa phương liên quan
-	Đẩy nhanh thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia; duy trì xếp hạng về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII)	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính
-	Đánh giá thực trạng đầu tư phát triển các nhóm công nghệ chiến lược	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính
-	Thực hiện chuyển đổi số quốc gia, chuyển đổi số trong doanh nghiệp Việt Nam.	Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, cơ quan liên quan
-	Đánh giá việc thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục như Nghị quyết số 29-NQ/TW, Kết luận số 91-KL/TW, việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW. Triển khai có hiệu quả hệ thống giáo dục quốc dân mới; đa dạng hoá phương thức đào tạo.	Bộ Giáo dục và Đào tạo
-	Cơ cấu lại và nâng cao chất lượng, hiệu quả thị trường lao động. Triển khai Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030; chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ
8	<i>Thúc đẩy phát triển liên kết vùng, khu kinh tế và phát triển đô thị</i>	
-	Phát triển kinh tế - xã hội các vùng, liên vùng; thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù cho các địa phương	Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan liên quan
+	Triển khai các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh các vùng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	
+	Ban hành quy chế phối hợp, có thể chế điều phối vùng, cơ chế, chính sách để phát huy vai trò động lực tăng trưởng của các vùng kinh tế trọng điểm, sớm tạo ra các vùng động lực mới, cực tăng trưởng mới; phát huy vai trò của hội đồng điều phối vùng, thúc đẩy liên kết vùng, nội vùng, liên vùng.	

-	Công tác tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan và địa phương liên quan
-	Phát triển kinh tế biển	Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
-	Phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới	Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
9	<i>Phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, bảo đảm gắn kết hài hoà giữa phát triển kinh tế với văn hóa, xã hội</i>	
-	Xây dựng, phát huy yếu tố văn hóa để thực sự là đột phá phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập quốc tế. Từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hoá giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, miền. Xây dựng và triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035; phát triển ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí. Tổ chức thành công các sự kiện, lễ kỷ niệm quan trọng của đất nước, góp phần khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, đoàn kết, lòng tự hào dân tộc. Công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa, danh lam thắng cảnh, văn hóa các vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	Bộ Văn hóa, Thể thao – Du lịch
-	Các chỉ số phát triển con người Việt Nam, chỉ số hạnh phúc; phát triển thể dục, thể thao	Bộ Văn hóa, Thể thao – Du lịch
-	Công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; triển khai Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 của Bộ Chính trị; xây dựng Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035...	Bộ Y tế
-	Chính sách người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội, an sinh xã hội, giảm nghèo, bảo hiểm, tiền lương, lao động; hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai (như bão Yagi, bão số 10...); công tác trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, bình đẳng giới, dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng...	Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Y tế, Bộ Dân tộc và Tôn giáo
-	Phát triển nhà ở xã hội; xóa nhà tạm, nhà dột nát	Bộ Xây dựng

-	Công tác thông tin, tuyên truyền, tạo đồng thuận xã hội	Bộ Văn hoá, Thể thao và du lịch, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam
9	<i>Công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu</i>	Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, cơ quan, địa phương liên quan
-	Thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững theo Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Liên hợp quốc. Bảo vệ, phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.	
-	Phát triển, xây dựng lộ trình, cơ chế, chính sách, pháp luật để hình thành, vận hành mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế các-bon thấp, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.	
-	Chủ động giám sát, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu. Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước, ô nhiễm nguồn nước, đặc biệt là nguồn nước ngọt, nước ngầm. Chủ động phòng, chống, hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, sạt lở, xâm nhập mặn do nước biển dâng, nhất là đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng sông Hồng, ven biển miền Trung; lũ ống, lũ quét, sạt lở núi ở khu vực trung du, miền núi. Nâng cao chất lượng đánh giá tác động môi trường.	
-	Tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, đấu tranh phòng, chống tội phạm về tài nguyên, môi trường.	
10	<i>Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; thực hiện cải cách tiền lương; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính đi đôi với tạo dựng môi trường đổi mới sáng tạo</i>	
-	Thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến địa phương của Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo Trung ương; sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức mô hình chính quyền địa phương 02 cấp	Bộ Nội vụ

-	Công tác tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.	Bộ Nội vụ
-	Thực hiện cải cách tiền lương	Bộ Nội vụ
-	Hoàn thiện quy định pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi và bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.	Bộ Nội vụ
-	Tăng cường phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; xử lý nghiêm các vụ án kinh tế, tham nhũng; nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng; ngăn chặn các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà người dân và doanh nghiệp. Tập trung giải quyết khiếu nại, tố cáo, nhất là những vụ việc phức tạp tồn đọng, kéo dài.	Bộ Công an, Thanh tra Chính phủ
-	Xây dựng và thực hiện Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số.	Văn phòng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an
11	<i>Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước</i>	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
-	Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; một số lực lượng, quân chủng, binh chủng tiến thẳng lên hiện đại; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh mạng.	
-	Sẵn sàng ứng phó hiệu quả với các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống. Không để bị động, bất ngờ, không để hình thành các tổ chức chính trị đối lập; đấu tranh mạnh mẽ với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.	
-	Tổ chức, triển khai đồng bộ, thống nhất việc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh.	
-	Tăng cường bảo vệ, hỗ trợ hoạt động kinh tế biển, ngư dân bám biển, khai thác thủy sản hiệu quả. Tiếp tục xây dựng, phát triển công nghiệp quốc phòng, an ninh theo hướng lưỡng dụng, ngày càng hiện đại.	

12	Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế	Bộ Ngoại giao
	Thúc đẩy quan hệ với các đối tác, đặc biệt là đối tác quan trọng, đi vào chiều sâu, hiệu quả, bền vững, tăng cường đan xen lợi ích; xử lý linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả mối quan hệ với các nước lớn. Nâng tầm đối ngoại đa phương, thực hiện tốt các trọng trách quốc tế. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả công tác đối ngoại của Đảng với ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. Thực hiện tốt công tác bảo hộ công dân, người Việt Nam ở nước ngoài.	
III	Hạn chế, khó khăn (đánh giá chi tiết các hạn chế, khó khăn của tất cả các ngành, lĩnh vực theo 12 nhóm nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 16/2021/QH15)	Các bộ, cơ quan và địa phương
IV	Nguyên nhân (khách quan và chủ quan)	Các bộ, cơ quan và địa phương
V	Đánh giá chung và bài học kinh nghiệm (trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; huy động sức mạnh tổng hợp; đề xuất chính sách; công tác phối hợp, hiệp đồng và triển khai thực hiện...)	Các bộ, cơ quan và địa phương
	PHẦN II: DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2026-2030	
I	Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2026-2030	Các bộ, cơ quan và địa phương
II	Mục tiêu tổng quát	Các bộ, cơ quan và địa phương
III	Chỉ tiêu chủ yếu	
	Về kinh tế: Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân cho giai đoạn 2026 - 2030 từ 10%/năm trở lên; GDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 8.500 USD; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 28% GDP; tỉ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GDP. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt trên 55%. Tốc độ tăng năng suất lao động đạt khoảng 8,5%/năm. Giảm tiêu hao năng lượng tính trên đơn vị GDP ở mức 1 - 1,5%/năm. Tỉ lệ đô thị hoá đạt trên 50%. Tổng tích lũy tài sản khoảng 35 - 36% GDP; tỉ trọng tiêu dùng cuối cùng khoảng 61 - 62% GDP. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm khoảng 40% GDP, trong đó tỉ lệ đầu tư công chiếm 20 - 22%. Tỉ lệ huy động nguồn ngân sách giai đoạn 2026 - 2030 đạt 18% GDP; bội chi ngân sách khoảng 5% GDP	Các bộ, cơ quan và địa phương

-	Về xã hội: Chỉ số phát triển con người (IIDI) phấn đấu đạt khoảng 0,78; tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt khoảng 75,5 tuổi, trong đó thời gian sống khoẻ mạnh đạt tối thiểu 68 năm; tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống còn dưới 20%; tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%. Tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026 - 2030) duy trì mức giảm 1 - 1,5 điểm%/năm.	Các bộ, cơ quan và địa phương
-	Về môi trường: Tỉ lệ che phủ rừng duy trì mức 42%; tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông đạt khoảng 65 - 70%; lượng phát thải khí nhà kính giảm 8 - 9%; tỉ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt khoảng 98 - 100%; tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt tối thiểu 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia.	Các bộ, cơ quan và địa phương
IV	Một số cân đối lớn	Các bộ, cơ quan và địa phương
V	Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu	
1	<i>Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh và bền vững đất nước</i>	
-	Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, tạo đột phá để sớm hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khẳng định vai trò quyết định của thị trường trong huy động và phân bổ các nguồn lực phát triển; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh bảo đảm thuận lợi, công khai, minh bạch, ổn định, giải phóng sức sản xuất, huy động mọi nguồn lực và tạo động lực mới cho phát triển. Tham mưu hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật.	Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan liên quan
-	Rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, khoáng sản, sở hữu trí tuệ, phá sản, xây dựng... Tiếp tục thực hiện phân cấp, phân quyền rõ ràng, đồng bộ trong các lĩnh vực tài chính, đầu tư, xây dựng, đất đai và các lĩnh vực khác.	Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan liên quan
-	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế số, nhất là công nghệ tài chính, tài sản số, trí tuệ nhân tạo, thương mại điện tử, các ngành công nghệ mới, các động lực tăng trưởng mới... Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực phát triển các công trình hạ tầng chiến lược như: Đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, điện hạt nhân, điện gió ngoài khơi, trung tâm dữ liệu quốc gia, đồng thời tập trung các mô	Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan liên quan

	hình kinh tế đột phá gồm: Đặc khu kinh tế, đặc khu công nghệ, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế.	
-	Chuyển mạnh phương thức quản lý nhà nước từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn để quản lý và tăng cường kiểm tra, giám sát. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, góp phần nâng cao rõ rệt chỉ số cải cách hành chính quốc gia trên các bảng xếp hạng quốc tế.	Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan liên quan
-	Tiếp tục cải cách mạnh mẽ, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính theo hướng công khai, minh bạch, giảm chi phí tuân thủ pháp luật, chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Phấn đấu đến năm 2030, nâng cao xếp hạng môi trường đầu tư kinh doanh của Việt Nam thuộc nhóm 3 quốc gia hàng đầu của ASEAN và nhóm 30 quốc gia hàng đầu thế giới. Thành lập và vận hành hiệu quả Cổng đầu tư một cửa quốc gia để thu hút, xúc tiến và giải quyết các thủ tục đầu tư theo mô hình một cửa.	Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan liên quan
-	Tập trung tháo gỡ những rào cản, khó khăn, vướng mắc của các loại thị trường.	Các bộ, cơ quan liên quan
2	<i>Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính; tăng trưởng nhanh nhưng phải bền vững gắn với kiểm soát lạm phát, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô</i>	
-	Điều hành chính sách tài khóa, chính sách tiền và các chính sách vĩ mô khác ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với kiểm soát lạm phát, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn	Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương và các bộ, cơ quan liên quan
-	Cơ cấu lại nền kinh tế	
+	Công nghiệp (Nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh một số ngành công nghiệp nền tảng; ưu tiên phát triển, từng bước làm chủ công nghệ sản xuất trong một số ngành công nghiệp mới nổi; từng bước xây dựng, phát triển công nghiệp ứng dụng năng lượng nguyên tử, công nghiệp không gian vũ trụ, công nghiệp lượng tử; phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp; công nghiệp xanh; công nghiệp phục vụ quốc phòng, an ninh; công nghiệp xây dựng hiện đại; công nghiệp văn hóa, kinh tế di sản; một số cụm liên kết ngành công nghiệp quan trọng, các tổ hợp công nghiệp quy mô lớn, hiện đại trên phạm vi vùng và liên vùng...)	Bộ Công Thương

+	Nông nghiệp (Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng xanh, sinh thái, tuần hoàn, theo chuỗi giá trị, có hiệu quả. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp; phát triển các vùng sản xuất hàng hoá lớn, chất lượng và giá trị gia tăng cao, gắn với chế biến sâu và xây dựng thương hiệu sản phẩm...)	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
+	Dịch vụ (du lịch, vận tải, thương mại trong nước, dịch vụ tài chính – ngân hàng, giáo dục, y tế...)	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng và các bộ, cơ quan liên quan
-	Cơ cấu lại 3 lĩnh vực trọng tâm (đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức tín dụng)	Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính
-	Phát huy đầy đủ chức năng, vai trò của các khu vực kinh tế.	
+	Triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết về phát triển kinh tế nhà nước, khẳng định vai trò chủ đạo, dẫn dắt, định hướng; nâng cao hiệu quả sử dụng tài chính công, tài sản công; đẩy mạnh cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, tăng chi cho đầu tư phát triển, tập trung vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên; tạo đột phá mạnh về cơ chế, chính sách nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư công.	Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan liên quan
+	Phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế theo Nghị quyết 68 của Bộ Chính trị. Triển khai hiệu quả Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp mới nổi. Phấn đấu đến năm 2030 có khoảng 2 triệu doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế.	Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan liên quan
+	Phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và các loại hình kinh tế khác	Bộ Tài chính
-	Thành lập, phát triển trung tâm tài chính quốc tế, khu thương mại tự do thế hệ mới có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế.	Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan liên quan
3	<i>Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, phát triển đô thị và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới</i>	
-	Tập trung đầu tư, xây dựng các trục giao thông đường bộ cao tốc quan trọng, hoàn thành mục tiêu đến năm 2030 cả nước có 5.000 km đường bộ cao tốc; các cảng biển cửa ngõ kết hợp trung chuyển	Bộ Xây dựng

	quốc tế; các cảng hàng không lớn; tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, hệ thống đường sắt đô thị ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, các tuyến đường sắt kết nối quốc tế và các cảng biển trung chuyển quốc tế; phân đầu hoàn thành tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng trước năm 2030.	
-	Đầu tư, xây dựng hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu cầu phát triển đột phá kinh tế - xã hội, trong đó, xây dựng một số nhà máy điện hạt nhân với quy mô phù hợp, công nghệ tiên tiến, an toàn, nhất là nhà máy điện hạt nhân mô-đun nhỏ; phát triển các dự án năng lượng tái tạo.	Bộ Công Thương
-	Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng số bảo đảm đồng bộ, hiện đại cho chuyển đổi số quốc gia; phát triển các nền tảng số quốc gia, tiện ích kỹ thuật số thiết yếu đáp ứng được yêu cầu Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số. Phát triển đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia, trung tâm dữ liệu lớn bảo đảm kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ và khai thác phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội số.	Bộ Khoa học và Công nghệ
-	Phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới; hạ tầng nông nghiệp, thủy lợi thích ứng với biến đổi khí hậu	Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
-	Hoàn thiện công tác quy hoạch và thúc đẩy liên kết, phát triển vùng; phát triển kinh tế biển	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính
4	<i>Đẩy mạnh thực hiện đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia theo Nghị quyết số 57-NQ/TW</i>	Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, cơ quan liên quan
-	Khẩn trương, quyết liệt đổi mới và hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển khoa học, công nghệ phù hợp với nguyên tắc thị trường, chuẩn mực và thông lệ quốc tế; hoàn thiện cơ chế, chính sách vượt trội, phù hợp với đặc thù của lao động sáng tạo; tháo gỡ dứt điểm các nút thắt, rào cản trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trọng tâm là cơ chế quản lý, cơ chế đầu tư, cơ chế tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ mới, công nghệ cao.	
-	Chủ động, tích cực tiếp cận nhanh và khai thác có hiệu quả cơ hội và thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Ưu tiên tiếp thu, chuyển giao, ứng dụng sáng tạo, làm chủ các công nghệ tiên tiến, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ số, đặc biệt là	

	trong các lĩnh vực công nghiệp điện tử, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ hạt nhân, năng lượng nguyên tử, năng lượng mới, công nghệ không gian vũ trụ, công nghệ lượng tử.	
-	Có cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy chuyển đổi số, thực hiện số hoá toàn diện trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an ninh, an toàn, khuyến khích đổi mới, sáng tạo. Quản lý, thúc đẩy phát triển tài sản số, tiền kỹ thuật số lành mạnh và hiệu quả	
-	Xây dựng và triển khai các khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách thử nghiệm, thí điểm vượt trội trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Phát triển hạ tầng công nghệ quốc gia; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia phù hợp với quốc tế; phát triển thị trường khoa học và công nghệ, liên thông với khu vực và thế giới. Bảo vệ và nâng cao hiệu quả khai thác tài sản trí tuệ, tài nguyên số.	
-	Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, trong đó doanh nghiệp là trung tâm, viện nghiên cứu và trường đại học là chủ thể nghiên cứu mạnh, Nhà nước đóng vai trò kiến tạo.	
5	<i>Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghiệp, công nghệ chiến lược; tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất và thể chất người học</i>	
-	Xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, công bằng theo hướng "chuẩn hoá, hiện đại hoá, dân chủ hoá, xã hội hoá và hội nhập quốc tế". Đổi mới và hoàn thiện đồng bộ hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách về phát triển giáo dục và đào tạo. Xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về hiện đại hoá, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.	Bộ Giáo dục và Đào tạo
-	Phát triển hài hoà giáo dục và đào tạo giữa các vùng, miền; có chính sách ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, các đối tượng chính sách. Giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu giáo viên, thiếu trường, thiếu lớp và thiết bị dạy học.	Bộ Giáo dục và Đào tạo
-	Tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành công nghiệp, công nghệ chiến lược và các mô hình kinh tế mới. Có cơ chế, chính sách đặc biệt để phát hiện, thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài; chú trọng thu hút các nhà khoa	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ

	học giỏi, chuyên gia đầu ngành trong và ngoài nước, nhất là các ngành khoa học cơ bản và các lĩnh vực đặc biệt quan trọng.	
6	<i>Phát triển mạnh mẽ, toàn diện văn hóa và con người Việt Nam; quản lý phát triển xã hội bền vững; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân</i>	
-	Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế, xây dựng Việt Nam thành địa chỉ hấp dẫn về giao lưu văn hóa, đưa văn hóa Việt Nam đến với thế giới. Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và lan tỏa các giá trị văn hóa truyền thống Việt Nam ra thế giới; phát triển văn hóa trở thành “sức mạnh mềm” của quốc gia. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá. Bảo tồn, tôn tạo và phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gắn kết chặt chẽ văn hóa với các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí.	Bộ Văn hóa, Thể thao – Du lịch
-	Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, thích ứng linh hoạt, theo vòng đời và bao phủ toàn dân, toàn diện, lấy con người là trung tâm, nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân; bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu có chất lượng.	Bộ Nội vụ và các bộ, cơ quan liên quan
-	Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả, bền vững; tập trung nâng cao chất lượng và kỹ năng trong công tác phòng bệnh, khám, chữa bệnh, kiểm soát tốt dịch bệnh. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khoẻ, dân số và phát triển. Phấn đấu thực hiện mục tiêu đến năm 2030 cơ bản không còn hộ nghèo và cơ bản miễn viện phí toàn dân. Tăng cường kiểm soát, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.	Bộ Y tế
-	Bảo đảm mức sống của gia đình người có công từ mức trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. Thực hiện bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội...; chăm sóc, bảo vệ người cao tuổi và trẻ em, nhất là trẻ em gái; triển khai hiệu quả chính sách giảm nghèo. Tăng cường, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo.	Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Nông nghiệp và Môi trường
-	Phát triển thị trường lao động linh hoạt, đồng bộ, hiện đại và hội nhập. Chú trọng tạo việc làm có thu nhập ổn định, hỗ trợ cho người lao động trong khu vực phi chính thức, người sau độ tuổi lao động	Bộ Nội vụ

-	Xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Dân tộc và Tôn giáo và các bộ, cơ quan, địa phương liên quan
7	<i>Quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên, khoáng sản quan trọng; tăng cường bảo vệ môi trường; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai</i>	
-	Hoàn thiện đồng bộ pháp luật, cơ chế, chính sách, quy hoạch về quản lý tổng hợp, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học, duy trì cân bằng sinh thái. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý có hiệu quả vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi trường.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
-	Phát triển lành mạnh thị trường bất động sản, thị trường quyền sử dụng đất, khoáng sản, thị trường năng lượng; thiết lập và vận hành hiệu quả thị trường tín chỉ cacbon trong nước kết nối với thị trường khu vực và thế giới. Xây dựng và tích hợp cơ sở dữ liệu quản lý, khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu vào cơ sở dữ liệu quốc gia. Phát triển mạnh ngành công nghiệp và dịch vụ môi trường, thúc đẩy xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, cơ quan liên quan
-	Chú trọng hợp tác quốc tế trong việc quản lý và sử dụng nguồn nước bảo đảm lợi ích quốc gia. Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, cơ chế ưu đãi quốc tế phục vụ chuyển đổi xanh, giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
-	Thực hiện đồng bộ các giải pháp chống lãng phí, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, nâng cao chất lượng quy hoạch sử dụng tài nguyên quốc gia, bảo vệ môi trường. Khai thác và sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản quan trọng, nhất là tài nguyên biển, đất hiếm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
-	Chủ động triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp sẵn sàng ứng phó với các loại hình thiên tai. Thực hiện hiệu quả chương trình phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long; triển khai chương trình phòng, chống lũ lụt, sạt lở vùng trung du và miền núi. Chủ động di dời, tái định cư người dân ở các khu vực có rủi ro thiên tai cao. Khắc phục cơ bản tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ở các đô thị lớn, làng nghề, đặc biệt là môi trường không khí ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.	Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các bộ, cơ quan, địa phương liên quan

8	<i>Củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước</i>	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an
-	Tăng cường tiềm lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia; xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng thể trận lòng dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Thực hiện có hiệu quả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và đối ngoại.	
-	Đẩy mạnh đột phá phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh, tự chủ, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại; nâng cao sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân trong bảo vệ vững chắc Tổ quốc trước mọi tình huống, nhất là chiến tranh công nghệ cao.	
-	Chủ động nghiên cứu, đánh giá, dự báo đúng tình hình, xử lý kịp thời các tình huống về quốc phòng, an ninh, các vấn đề trật tự, an toàn xã hội, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống; ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột, mất an ninh, trật tự từ sớm, từ xa. Bảo đảm về mọi mặt để giữ vững ổn định chính trị, xã hội, không để xảy ra bạo loạn, khủng bố; ứng phó kịp thời, hiệu quả thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống.	
-	Kiên quyết đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo đảm an toàn giao thông, phòng, chống cháy, nổ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự xã hội; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh. Triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030.	
9	<i>Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, trọng tâm là ngoại giao kinh tế, ngoại giao công nghệ; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, phát huy vai trò, vị thế, uy tín của đất nước, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các nguồn lực phục vụ phát triển đất nước.</i>	Bộ Ngoại giao và các bộ, cơ quan, địa phương liên quan
-	Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại; phát triển đối ngoại trong kỷ nguyên mới, tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hoá và vị thế của đất nước.	
-	Triển khai đồng bộ, toàn diện, hiệu quả các hoạt động đối ngoại trên cả 3 trụ cột: Đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại nhân dân thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Đẩy mạnh và	

	nâng tầm đối ngoại đa phương; vai trò thành viên chủ động, tích cực, quan trọng và có trách nhiệm tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là các cơ chế có tầm quan trọng chiến; chủ động tham gia xây dựng, định hình các thể chế đa phương.	
-	Đẩy mạnh ngoại giao toàn diện phục vụ phát triển, trọng tâm là ngoại giao kinh tế, ngoại giao công nghệ. Phát huy hiệu quả các phương thức ngoại giao đa dạng, đặc biệt là ngoại giao cấp cao, ngoại giao chuyên ngành. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp, nâng cao hiệu quả công tác thông tin đối ngoại, công tác lãnh sự, bảo hộ công dân, triển khai toàn diện và mạnh mẽ hơn công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Nâng cao hiệu quả của ngoại giao văn hoá; chú trọng các hoạt động quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam.	
10	<i>Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính</i>	
-	Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ. Tiếp tục đổi mới, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả, giảm mạnh các thủ tục hành chính trong hoạt động của Chính phủ, các bộ, ngành và chính quyền địa phương.	Văn phòng Chính phủ, Bộ Nội vụ
-	Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, biên chế, mối quan hệ công tác giữa các cấp chính quyền. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương với phương châm "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm". Tiếp tục hoàn thiện việc vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, khai thác hiệu quả không gian phát triển, phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương, vùng phù hợp với đặc thù từng địa bàn, gắn với yêu cầu phát triển vùng, liên kết vùng.	Bộ Nội vụ
-	Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn, thực sự chuyên nghiệp, liêm chính, thực hiện nghiêm trách nhiệm và đạo đức công vụ. Có chính sách đãi ngộ, chế độ tiền lương, thu nhập bảo đảm đời sống để đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức yên tâm công tác, liêm chính, công tâm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Ban hành cơ chế, pháp luật cụ thể, minh bạch để bảo vệ, khuyến khích cán bộ dám đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, không vụ lợi; khắc phục tình trạng sợ sai, sợ trách nhiệm.	Bộ Nội vụ

-	Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm toán; đẩy mạnh điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; nâng cao hơn nữa hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng.	Bộ Công an, Thanh tra Chính phủ
---	---	---------------------------------

Phụ lục II

BIỂU MẪU CHỈ TIÊU BÁO CÁO

(Kèm theo văn bản số ~~1668~~ 16684/BTC-NSNN ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính

BIỂU A: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

BIỂU 1A

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐƯỢC GIAO TẠI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG XIII,
NGHỊ QUYẾT SỐ 16/2021/QH15 CỦA QUỐC HỘI**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016- 2020	Mục tiêu KH 2021- 2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	TH 2024	Ước TH 2025	Ước TH giai đoạn 2021- 2025	Đánh giá
A	Chỉ tiêu kinh tế										
1	Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP)	%	6,25	6,5-7	2,55	8,54	5,07	7,09	8%	6,3	Xấp xỉ đạt
2	GDP bình quân đầu người đến năm cuối kỳ	USD	3.552	4.700-5.000	3.717	4.109	4.284,5	4.700	5.000	-	Đạt
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đến năm cuối kỳ	% GDP	23,95	trên 25	24,62	24,76	23,88	24,43	24,69	-	Xấp xỉ đạt
4	Tỷ trọng giá trị tăng thêm kinh tế số trong GDP đến năm cuối kỳ	% GDP	12,66	Khoảng 20	12,87	12,83	12,87	13,17	Khoảng 14 ¹	-	Không đạt
5	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GDP	%	46,04	khoảng 45	-	-	-	-	-	Khoảng 47	Vượt
6	Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân	%	6,05	trên 6,5	4,57	5,25	3,67	5,91	6,85	5,24	Không đạt

¹ Số liệu của Cục Thống kê.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	Mục tiêu KH 2021-2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	TH 2024	Ước TH 2025	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Đánh giá
7	Tỷ lệ đô thị hóa	%	36,8	khoảng 45	40,5	41,7	42,7	44,3	Khoảng 45 ²		Đạt
8	Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước bình quân	% GDP	3,45	3,7	2,5	3,1	2,8	3,1	3,6	3,1-3,2	Vượt
B	Chỉ tiêu xã hội										
9	Tuổi thọ trung bình tính đến năm cuối kỳ	Tuổi	73,7	khoảng 74,5	73,64	73,64	74,5	74,7	74,8	-	Vượt
10	<i>Trong đó: thời gian sống khỏe mạnh</i>	Năm	66,2	tối thiểu 67	65,4	-	-	-	67	-	Đạt
11	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm cuối kỳ	%	33,1	khoảng 25 ³	29,1	27,5	26,9	26,4	Khoảng 25	-	Đạt
12	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	64,5	70	66,0	67,0	68	69	70	-	Đạt
13	<i>Trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ</i>	%	24,1	28-30	26,1	26,4	27,2	28,4	29,2	-	Đạt
14	Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	3,89	dưới 4	4,33	2,82	2,75	2,53	2,5	-	Vượt

² Từ kết quả thực hiện năm 2024, năm 2025 dự kiến đạt và vượt mục tiêu 05 năm 2021-2025 đề ra. Tuy nhiên, do sắp xếp lại địa giới hành chính, Chính phủ đang chỉ đạo xây dựng lại quy định về tiêu chuẩn đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính và phân loại đô thị.

³ Từ kết quả thực hiện năm 2024, năm 2025 dự kiến đạt và vượt mục tiêu 05 năm 2021-2025 đề ra. Tuy nhiên, do sắp xếp lại địa giới hành chính, Chính phủ đang chỉ đạo xây dựng lại quy định về tiêu chuẩn đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính và phân loại đô thị.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	Mục tiêu KH 2021-2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	TH 2024	Ước TH 2025	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Đánh giá
15	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	Điểm %/năm	1,1	duy trì mức giảm 1-1,5	0,4	1,17	1,1	1,1	0,8-1	Khoảng 1,0	Đạt
16	Số bác sĩ/1 vạn dân đến năm cuối kỳ	Bác sĩ	9,81	10	11,1	11,5	13	14	15	-	Vượt
17	Số giường bệnh/1 vạn dân đến năm cuối kỳ	Giường bệnh	30,73	30	30,8	31,7	33,8	31,4	31,8	-	Vượt
18	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế	% dân số	90,85	95	91,01	92,04	93,35	94,29	95,15	-	Vượt
19	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	62,4	tối thiểu 80	68,7	73,08	74,9	78	79,3 ⁴	-	Đạt
20	Trong đó, tỷ lệ đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	%	0,2	10	0,76	1,8	3	8,8	12,2	-	Vượt
C	Chỉ tiêu môi trường										
21	Tỷ lệ được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh dân cư thành thị	%	91,4	95-100	92,8	93-94	96	99	99	-	Đạt
22	Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh dân cư nông thôn	%	96,2	93-95	91,5	92,5	93,5	94,5	95,5	-	Vượt

⁴ Chỉ tiêu tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới đến ngày 30/6/2025 ước đạt 79,3%, cơ bản đạt mục tiêu cả năm (mục tiêu là 80,5-81,5%), ước đến hết năm 2025 sẽ đạt hoặc vượt mục tiêu giai đoạn 2021-2025 và năm 2025. Tuy nhiên, do sắp xếp lại địa giới hành chính, quy mô cấp xã thay đổi, các tiêu chí đánh giá hiện nay không còn phù hợp, nên cần điều chỉnh lại bộ chỉ tiêu mới cho giai đoạn tới.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	Mục tiêu KH 2021-2025	TH 2021	TH 2022	TH 2023	TH 2024	Ước TH 2025	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Đánh giá
23	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn	%	-	90,0	94,71	96,23	92,0	97,26	95,0	-	Vượt
24	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	89,0	92,0	91,0	91,0	92,0	92,0	95,37	-	Vượt
25	Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý ⁵	%	-	100,0	-	85,52	-	-	-	-	Đạt
26	Tỷ lệ che phủ rừng	%	42,0	Ổn định 42	42,02	42,02	42,02	42,03	42,03	Ổn định 42	Đạt

⁵ Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, có hiệu lực từ 01/1/2022; nội dung chỉ tiêu này không có trong quy định của Pháp luật về BVMT, do đó không tổ chức thu thập; đánh giá như giai đoạn trước.

BIỂU 2A
CÁC CÂN ĐỐI LỚN CỦA NỀN KINH TẾ

[illegible]

[illegible]

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	TH 2021	TH 2022	TH 2023	TH 2024	TH 2025	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025	Đánh giá thực hiện so với mục tiêu 2021-2025	Cơ quan báo cáo
A	Tổng thu ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng										
1	Thu nội địa	Nghìn tỷ đồng										
2	Thu từ dầu thô	Nghìn tỷ đồng										
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	Nghìn tỷ đồng										
4	Thu viện trợ	Nghìn tỷ đồng										
B	Tổng chi ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng										
	<i>Trong đó:</i>											
1	Chi đầu tư phát triển ⁶	Nghìn tỷ đồng										
2	Chi thường xuyên ⁷	Nghìn tỷ đồng										
C	Bội chi ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng										
1	Bội chi ngân sách trung ương	Nghìn tỷ đồng										
2	Bội chi ngân sách địa phương	Nghìn tỷ đồng										
D	Tỷ lệ huy động nguồn ngân sách so với GDP	%										

⁶ Số liệu chi đầu tư phát triển năm 2024 và 2025 bao gồm cả nguồn tăng thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết. Số liệu chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên ước thực hiện giai đoạn 2021-2025 theo số liệu quyết toán và ước thực hiện giải ngân hàng năm.

⁷ Bao gồm chi cải cách tiền lương, sắp xếp bộ máy và tinh giản biên chế.

[illegible]

BIỂU 3A
TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP)

[illegible]

[illegible]

BIỂU 4A
NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

[illegible]

BIỂU 5A
NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

[illegible]

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	TH 2021	TH 2022	TH 2023	TH 2024	TH 2025	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025	Đánh giá thực hiện so với mục tiêu 2021-2025	Cơ quan báo cáo
2	Diện tích rừng trồng mới tập trung	Nghìn ha	1,370,4									Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	Sản lượng thủy sản	Nghìn tấn	39.269,9									Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BIỂU 6A
CÔNG NGHIỆP

[illegible]

[illegible]

BIỂU 8A
XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	TH 2021	TH 2022	TH 2023	TH 2024	TH 2025	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025	Đánh giá thực hiện so với mục tiêu 2021-2025	Cơ quan báo cáo
1	Xuất khẩu hàng hoá											Bộ Tài chính, Bộ Công Thương
	<i>Giá trị xuất khẩu hàng hóa</i>	<i>Tỷ USD</i>	<i>1,182</i>									
	<i>Tốc độ tăng</i>	<i>%</i>	<i>11.8</i>									
	Trong đó: Giá trị xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn ĐTNN (không kể dầu thô)	<i>Tỷ USD</i>	<i>834.0</i>									
2	Nhập khẩu hàng hoá											Bộ Tài chính, Bộ Công Thương
	<i>Giá trị nhập khẩu hàng hóa</i>	<i>Tỷ USD</i>	<i>1,142</i>									
	<i>Tốc độ tăng</i>	<i>%</i>	<i>9,7</i>									
	Trong đó: Giá trị nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn ĐTNN	<i>Tỷ USD</i>	<i>691.0</i>									
3	Cán cân thương mại hàng hóa (Nhập siêu/ Xuất siêu)	<i>Tỷ USD</i>	<i>-40</i>									Bộ Tài chính, Bộ Công Thương

BIỂU 9A
VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TOÀN XÃ HỘI

[illegible]

[illegible]

BIỂU 10A
ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	TH 2021	TH 2022	TH 2023	TH 2024	TH 2025	Ước TH giai đoạn 2021- 2025	Mục tiêu giai đoạn 2021- 2025	Đánh giá thực hiện so với mục tiêu 2021-2025	Cơ quan báo cáo
1	Vốn đầu tư thực hiện	Tỷ USD	92,8									Bộ Tài chính
2	Vốn đăng ký	Tỷ USD	170,4									Bộ Tài chính
	- Đăng ký cấp mới	Tỷ USD										
	- Đăng ký tăng thêm	Tỷ USD										
	- Góp vốn, mua cổ phần	Tỷ USD										
3	Xuất khẩu hàng hóa (kể cả dầu thô) DVG	Tỷ USD	844,82									Bộ Tài chính, Bộ Công Thương
4	Nhập khẩu DVG	Tỷ USD	690,64									Bộ Tài chính, Bộ Công Thương

BIỂU 11A
CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	TH 2021	TH 2022	TH 2023	TH 2024	TH 2025	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025	Đánh giá thực hiện so với mục tiêu 2021-2025	Cơ quan báo cáo
A	DÂN SỐ											Bộ Y tế, Bộ Tài chính
1	Dân số trung bình đến năm cuối kỳ	Triệu người	97,6									
	<i>Trong đó: Dân số nông thôn</i>	<i>Triệu người</i>	<i>61,7</i>									
2	Tỷ số giới tính khi sinh	Số bé trai/100 bé gái	112,1									
B	LAO ĐỘNG											Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính (bao gồm BHXHVN)
1	Số người đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng	Nghìn người	634.782									
2	Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%	33,5									
3	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp	%	27,6									
C	Y TẾ											Bộ Y tế, Bộ Tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	TH 2021	TH 2022	TH 2023	TH 2024	TH 2025	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Mục tiêu giai đoạn 2021-2025	Đánh giá thực hiện so với mục tiêu 2021-2025	Cơ quan báo cáo
1	Số giường bệnh/1 vạn dân đến năm cuối kỳ	Giường	30,73									
	- Số giường bệnh công lập/ vạn dân đến năm cuối kỳ	Giường	28,57									
	- Số giường bệnh tư/ vạn dân đến năm cuối kỳ	Giường	2,16									
2	Tỷ suất chết của người mẹ trong thời gian thai sản trên 100.000 trẻ đẻ sống ⁸	Người	46									
3	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 1 tuổi tính đến năm cuối kỳ	‰	13,9									
4	Tỷ suất chết của trẻ em dưới 5 tuổi tính đến năm cuối kỳ	‰	22,3									
5	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%	11,6									
6	Tỷ lệ được sĩ đại học trên 1 vạn dân	Được sĩ	2,95									
7	Tỷ lệ điều dưỡng viên trên 1 vạn dân	Điều dưỡng viên	11,5									
8	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	84									

⁸ Không có số liệu 2021-2023 do điều tra định kỳ 10 năm

BIỂU 13A

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ

[illegible]

BIỂU 14A
MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU CỦA CÁC TỈNH,
THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

[illegible]

[illegible]

11	Thứ hạng Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)									
12	Số doanh nghiệp đang hoạt động và kê khai thuế đến cuối kỳ báo cáo	Nghìn doanh nghiệp								
13	Về đầu tư FDI									
	- Số dự án còn hiệu lực lũy kế đến cuối kỳ báo cáo	Dự án								
	- Vốn đầu tư thực hiện	Triệu USD								
	- Vốn đăng ký	Triệu USD								
14	Dân số trung bình đến năm cuối kỳ	Nghìn người								
15	Mật độ dân số đến năm cuối kỳ	Người/Km2								
16	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đến năm cuối kỳ	Nghìn người								
17	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với tổng dân số	%								

18	Tỷ lệ lao động qua đào tạo Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	%									
19	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt (ở đô thị và nông thôn) được thu gom và xử lý	%									
20	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã									
21	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%									
22	Hộ nghèo theo chuẩn đa chiều	Hộ									
	- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%									
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	Điểm %									
	Một số chỉ tiêu đề xuất bổ sung										

Ghi chú: Đề nghị 34/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo.

BIỂU B: MỘT SỐ CHỈ TIÊU BÁO CÁO KẾ HOẠCH 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030

BIỂU 1B**MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026-2030 THEO DỰ THẢO VĂN KIẾN TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẢNG XIV**

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026 - 2030	Cơ quan chủ trì
1	Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân/năm (%)	$\geq 10,0$	Bộ Tài chính
2	GDP bình quân đầu người (USD)	8.500	Bộ Tài chính
3	Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP (%)	28	Bộ Công Thương
4	Giá trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người (USD)	2.400	Bộ Công Thương
5	Tỉ trọng kinh tế số trong GDP (%)	30	Bộ Khoa học và Công nghệ
6	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng (%)	> 55	Bộ Khoa học và Công nghệ
7	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	8,5	Bộ Tài chính
8	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân/GDP (%)	40	Bộ Tài chính
9	Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP/năm (%)	1 - 1,5	Bộ Công Thương
10	Tỉ lệ đô thị hoá (%)	> 50	Bộ Xây dựng
11	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	$\sim 75,5$	Bộ Y tế
12	Thời gian sống khoẻ (năm)	68	Bộ Y tế
13	Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội (%)	20	Bộ Tài chính
14	Tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (%)	35 - 40	Bộ Giáo dục và Đào tạo
15	Giảm tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) (%)	Giảm 1 - 1,5 điểm%/năm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
16	Số bác sĩ/vạn dân (người)	19	Bộ Y tế

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026 - 2030	Cơ quan chủ trì
17	Tỉ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm	100%	Bộ Y tế
18	Tỉ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân (%)	> 95	Bộ Y tế
19	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,78	Bộ Tài chính
20	Tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới (%)	> 90	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
21	Tỉ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn (%)	80	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
22	Tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)	100	Bộ Tài chính
23	Tỉ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (%)	65 - 70	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
24	Tỉ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường (%)	98 - 100	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
25	Tỉ lệ giảm lượng phát thải khí nhà kính (%)	8 - 9	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
26	Tỉ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển trong diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia (%)	6	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
27	Tỉ lệ che phủ rừng (%)	42	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

BIỂU 2B
MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG GDP, GRDP GIAI ĐOẠN 2026 – 2030 THEO
DỰ THẢO VĂN KIẾN TRÌNH ĐẠI HỘI ĐẢNG XIV

TT	Ngành, lĩnh vực/Địa phương	Tốc độ bình quân 2026 - 2030 (%/năm)	Cơ quan chủ trì
	Cả nước	≥ 10	Bộ Tài chính
I	Theo ngành, lĩnh vực		
1	Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản	3,5	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
2	Khu vực công nghiệp và xây dựng	12,3	
	- Công nghiệp	11,8	Bộ Công Thương
	<i>Trong đó: Công nghiệp chế biến chế tạo</i>	12,4	Bộ Công Thương
	- Xây dựng	14,5	Bộ Xây dựng
3	Khu vực dịch vụ	9,5	
	<i>Trong đó:</i>		
	- Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô...	11,2	Bộ Công Thương
	- Vận tải, kho bãi	11,2	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng
	- Dịch vụ lưu trú và ăn uống	12,4	Bộ Công Thương
	- Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	11,5	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước
	- Chuyên môn khoa học, công nghệ	12,0	Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Ngành, lĩnh vực/Địa phương	Tốc độ bình quân 2026 - 2030 (%/năm)	Cơ quan chủ trì
4	Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	9,0	Bộ Tài chính
II	Theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ^(*)		Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
1	Thành phố Hà Nội	10,5 - 11,0	
2	Thành phố Hồ Chí Minh ^(**)	10,0	
3	Thành phố Hải Phòng	14,0 - 14,5	
4	Thành phố Huế	10,0	
5	Thành phố Đà Nẵng	11,0 - 11,5	
6	Thành phố Cần Thơ	10,0 - 10,5	
7	Lai Châu	10,0	
8	Điện Biên	11,0	
9	Sơn La	8,0 - 8,5	
10	Lào Cai	10,0	
11	Phủ Thọ	10,5	
12	Tuyên Quang	10,5	
13	Cao Bằng	8,0 - 9,0	
14	Thái Nguyên	10,5	
15	Lạng Sơn	10,0 - 11,0	
16	Quảng Ninh	11,0 - 12,0	
17	Bắc Ninh	10,5	
18	Hưng Yên	10,0 - 11,0	

TT	Ngành, lĩnh vực/Địa phương	Tốc độ bình quân 2026 - 2030 (%/năm)	Cơ quan chủ trì
19	Ninh Bình	10,5 - 11,0	
20	Thanh Hoá	11,0	
21	Nghệ An	11,0 - 12,0	
22	Hà Tĩnh	10,0	
23	Quảng Trị	9,0 - 10,0	
24	Quảng Ngãi	9,0 - 9,5	
25	Gia Lai	10,0 - 10,5	
26	Đắk Lắk	11,0 - 11,5	
27	Khánh Hoà	11,0 - 12,0	
28	Lâm Đồng	10,0 - 10,5	
29	Đồng Nai	10,0	
30	Tây Ninh	10,0 - 10,5	
31	Đồng Tháp	8,5 - 9,0	
32	Vĩnh Long	10,0 - 10,5	
33	An Giang	9,5 - 10,0	
34	Cà Mau	10,0 - 10,5	

BIỂU 3B
CÁC CÂN ĐỐI LỚN CỦA NỀN KINH TẾ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Dự kiến giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
I	VỀ TÍCH LŨY - TIÊU DÙNG				Bộ Tài chính	
A	Nguồn					
1	GDP theo giá hiện hành	Nghìn tỷ đồng				
2	Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ (FOB)	Nghìn tỷ đồng				
B	Sử dụng					
1	Tiêu dùng cuối cùng	Nghìn tỷ đồng				
	Trong đó: Tiêu dùng hộ dân cư	Nghìn tỷ đồng				
2	Tích lũy tài sản	Nghìn tỷ đồng				
C	Cơ cấu tích lũy, tiêu dùng					
1	Tiêu dùng cuối cùng	%				
2	Tích lũy tài sản	%				
D	So sánh với GDP					
1	Tiêu dùng cuối cùng	%				
2	Tích lũy tài sản	%				

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Dự kiến giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
3	Tiết kiệm	%				
II	VỀ CÂN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ				Ngân hàng Nhà nước	
A	Cán cân vãng lai	Triệu USD				
1	Hàng hóa (ròng)	Triệu USD				
2	Dịch vụ (ròng)	Triệu USD				
3	Thu nhập đầu tư (thu nhập sơ cấp) (ròng)	Triệu USD				
4	Chuyển giao vãng lai (thu nhập thứ cấp) (ròng)	Triệu USD				
B	Cán cân vốn	Triệu USD				
C	Cán cân tài chính	Triệu USD				
1	Đầu tư trực tiếp (ròng)	Triệu USD				
2	Đầu tư gián tiếp (ròng)	Triệu USD				
3	Đầu tư khác (ròng)	Triệu USD				
D	Lỗi và sai sót	Triệu USD				
E	Cán cân tổng thể	Triệu USD				
III	VỀ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC				Bộ Tài chính	
A	Tổng thu ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng				
1	Thu nội địa	Nghìn tỷ đồng				
2	Thu từ dầu thô	Nghìn tỷ đồng				

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Dự kiến giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	Nghìn tỷ đồng				
4	Thu viện trợ	Nghìn tỷ đồng				
B	Tổng chi ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng				
	<i>Trong đó:</i>					
	Chi đầu tư phát triển ⁹	Nghìn tỷ đồng				
	Chi thường xuyên ¹⁰	Nghìn tỷ đồng				
C	Bội chi ngân sách nhà nước	Nghìn tỷ đồng				
1	Bội chi ngân sách trung ương	Nghìn tỷ đồng				
2	Bội chi ngân sách địa phương	Nghìn tỷ đồng				
D	Tỷ lệ huy động nguồn ngân sách so với GDP	%				
E	Tỷ lệ nợ công so với GDP	%				
F	Tỷ lệ nợ Chính phủ so với GDP	%				
G	Tỷ lệ nợ nước ngoài so với GDP	%				
IV	VỀ XUẤT, NHẬP KHẨU				Bộ Công Thương	

⁹ Số liệu chi đầu tư phát triển bao gồm cả nguồn tăng thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết. Số liệu chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên ước thực hiện giai đoạn 2021-2025 theo số liệu quyết toán và ước thực hiện giải ngân hàng năm.

¹⁰ Bao gồm chi cải cách tiền lương, sắp xếp bộ máy và tinh giản biên chế.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Dự kiến giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
1	Xuất khẩu hàng hóa					
	Giá trị xuất khẩu hàng hóa	Tỷ USD				
	Tốc độ tăng	%				
	<i>Trong đó: tỷ trọng xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô)</i>	%				
2	Nhập khẩu hàng hóa					
	Giá trị nhập khẩu hàng hóa	Tỷ USD				
	Tốc độ tăng	%				
	<i>Trong đó: tỷ trọng nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</i>	%				
3	Cân cân thương mại hàng hóa (Xuất/Nhập siêu)	Tỷ USD				
	Tỷ lệ xuất/nhập siêu so với tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa	%				
IV	VỀ NGUỒN ĐIỆN				Bộ Công Thương	
1	Tổng công suất nguồn điện	MW				
2	Tỷ lệ dự phòng công suất nguồn	%				
3	Điện thương phẩm	Tỷ KWh				
4	Điện sản xuất và nhập khẩu toàn hệ thống	Tỷ KWh				

BIỂU 4B
TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Dự kiến giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
1	Tốc độ tăng trưởng GDP		6,25			Bộ Tài chính	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	2,93				
	- Công nghiệp và xây dựng	%	7,53				
	- Dịch vụ	%	6,40				
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	5,22				
2	GDP theo giá hiện hành tính đến năm cuối kỳ					Bộ Tài chính	
	- Theo VNĐ	Nghìn tỷ đồng	8044,4				
	- Theo USD	Tỉ USD	346,6				
3	Cơ cấu GDP		100,00			Bộ Tài chính	
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	12,66				
	- Công nghiệp và xây dựng	%	36,74				
	- Dịch vụ	%	41,83				
	- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm	%	8,77				

BIỂU 5B
NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Dự kiến giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
1	Năng suất lao động theo giá hiện hành tính đến năm cuối kỳ	Triệu đồng/ lao động	150,1			Bộ Tài chính	
	- Khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản	Triệu đồng/ lao động	57,4				
	- Khu vực công nghiệp và xây dựng	Triệu đồng/ lao động	179,0				
	- Khu vực Dịch vụ	Triệu đồng/ lao động	173,7				
2	Năng suất lao động theo giá so sánh năm 2010	Triệu đồng/ lao động	93,4			Bộ Tài chính	
	- Khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản	Triệu đồng/ lao động	31,9				
	- Khu vực công nghiệp và xây dựng	Triệu đồng/ lao động	110,5				
	- Khu vực Dịch vụ	Triệu đồng/ lao động	110,8				

BIỂU 6B
NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016- 2020	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Dự kiến giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
1	Sản phẩm chủ yếu					Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
	- Lương thực có hạt	Triệu tấn					
	<i>Trong đó:</i>						
	Lúa	Triệu tấn					
	- Cây công nghiệp lâu năm						
	<i>Trong đó: Một số sản phẩm chủ yếu</i>	Nghìn tấn					
	Đào	Nghìn tấn					
	Cao su (Mủ khô)	Nghìn tấn					
	Cà phê (Nhân)	Nghìn tấn					
	Hồ tiêu	Nghìn tấn					
	- Thịt hơi các loại (Trâu, bò, lợn, gia cầm)	Nghìn tấn					
2	Diện tích rừng trồng mới tập trung	Nghìn ha				Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
3	Sản lượng thủy sản	Nghìn tấn				Bộ Nông nghiệp và Môi trường	

BIỂU 7B
CÔNG NGHIỆP

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Dự kiến giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
1	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%			Bộ Công Thương	
2	Một số sản phẩm chủ yếu				Bộ Công Thương	
	- Điện sản xuất và nhập khẩu	Tỷ Kwh				
	<i>Trong đó: Nhập khẩu</i>	Tỷ Kwh				
	- Dầu mỏ thô khai thác	Triệu tấn				
	+ Trong nước	Triệu tấn				
	+ Nước ngoài	Triệu tấn				
	- Khí đốt thiên nhiên dạng khí	Tỷ m3				
	- Xăng dầu các loại	Triệu tấn				
	- Alumina (TKV)	Nghìn tấn				
	- Điện thoại di động	Triệu cái				
	- Tivi lắp ráp	Nghìn cái				
	- Ô tô lắp ráp	Nghìn cái				
	- Sữa bột	Nghìn tấn				

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Ước TH giai đoạn 2021- 2025	Dự kiến giai đoạn 2026- 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
	- Bia	Triệu lít				
	- Thuốc lá	Triệu bao				
	- Quần áo mặc thường	Triệu cái				

BIỂU 8B
DỊCH VỤ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Dự kiến giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
1	Thương mại					Bộ Công Thương	
	Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%					
2	Du lịch					Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
	- Số lượt khách du lịch nội địa	Triệu lượt người					
	<i>Tốc độ tăng</i>	%					
	- Số lượt khách du lịch quốc tế (khách quốc tế đến Việt Nam)	Triệu lượt người					
	<i>Tốc độ tăng</i>	%					

BIỂU 9B
XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Dự kiến giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
1	Xuất khẩu hàng hoá					Bộ Tài chính, Bộ Công Thương	
	<i>Giá trị xuất khẩu hàng hóa</i>	<i>Tỷ USD</i>					
	<i>Tốc độ tăng bình quân năm</i>	<i>%</i>					
	<i>Trong đó: Giá trị xuất khẩu của doanh nghiệp có vốn ĐTNN (không kể dầu thô)</i>	<i>Tỷ USD</i>					
2	Nhập khẩu hàng hoá					Bộ Tài chính, Bộ Công Thương	
	<i>Giá trị nhập khẩu hàng hóa</i>	<i>Tỷ USD</i>					
	<i>Tốc độ tăng bình quân năm</i>	<i>%</i>					
	<i>Trong đó: Giá trị nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn ĐTNN</i>	<i>Tỷ USD</i>					
3	Cán cân thương mại hàng hóa (Nhập siêu/Xuất siêu)	Tỷ USD				Bộ Tài chính, Bộ Công Thương	
	<i>Tỷ lệ nhập siêu/Giá trị xuất khẩu hàng hóa</i>	<i>%</i>					

BIỂU 10B
VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TOÀN XÃ HỘI

STT	Nguồn vốn	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	Ước TH giai đoạn 2021- 2025	Dự kiến giai đoạn 2026- 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
	TỔNG SỐ	Nghìn tỷ đồng				Bộ Tài chính	
	Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành so với GDP	%					
	Tốc độ tăng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá so sánh 2010	%					
1	Vốn đầu tư nguồn NSNN (bao gồm: vốn TPCP, bội chi NSDP, xố số kiến thiết và vốn từ nguồn thu từ tiền bán bớt cổ phần sở hữu của Nhà nước tại một số doanh nghiệp)	Nghìn tỷ đồng				Bộ Tài chính	
	<i>So với tổng số</i>	%					
	<i>Tốc độ tăng</i>	%					
2	Vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước	Nghìn tỷ đồng				Bộ Tài chính	
	<i>So với tổng số</i>	%					
	<i>Tốc độ tăng/giảm</i>	%					

STT	Nguồn vốn	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	Ước TH giai đoạn 2021- 2025	Dự kiến giai đoạn 2026- 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
3	Vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước	Nghìn tỷ đồng				Bộ Tài chính	
	So với tổng số	%					
	Tốc độ tăng/giảm	%					
4	Vốn đầu tư của dân cư và doanh nghiệp tư nhân	Nghìn tỷ đồng				Bộ Tài chính	
	So với tổng số	%					
	Tốc độ tăng	%					
5	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Nghìn tỷ đồng				Bộ Tài chính	
	So với tổng số	%					
	Tốc độ tăng/giảm	%					
6	Vốn huy động khác	Nghìn tỷ đồng				Bộ Tài chính	
	So với tổng số	%					

STT	Nguồn vốn	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	Ước TH giai đoạn 2021- 2025	Dự kiến giai đoạn 2026- 2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
	<i>Tốc độ tăng</i>	%					
6	Hệ số ICOR					Bộ Tài chính	

BIỂU 11B
ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Dự kiến giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
1	Vốn đầu tư thực hiện	Tỷ USD				Bộ Tài chính	
2	Vốn đăng ký	Tỷ USD				Bộ Tài chính	
	- Đăng ký cấp mới	Tỷ USD					
	- Đăng ký tăng thêm	Tỷ USD					
	- Góp vốn, mua cổ phần	Tỷ USD					
3	Xuất khẩu hàng hóa (kể cả dầu thô)	Tỷ USD				Bộ Tài chính, Bộ Công Thương	
4	Nhập khẩu	Tỷ USD				Bộ Tài chính, Bộ Công Thương	

BIỂU 12B
CÁC LĨNH VỰC XÃ HỘI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Dự kiến giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
A	DÂN SỐ					Bộ Y tế, Bộ Tài chính	
1	Dân số trung bình (năm cuối kỳ)	Triệu người					
	<i>Trong đó: Dân số nông thôn</i>	<i>Triệu người</i>					
2	Tỉ số giới tính khi sinh	Số bé trai/100 bé gái					
B	LAO ĐỘNG					Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính (bao gồm BHXHVN)	
1	Số người đi làm việc nước ngoài theo hợp đồng	Nghìn người					
2	Tỉ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	%					
3	Tỉ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp	%					
C	Y TẾ					Bộ Y tế, Bộ Tài chính	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Dự kiến giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
1	Số giường bệnh/1 vạn dân đến năm cuối kỳ	Giường					
	- Số giường bệnh công lập/ vạn dân đến năm cuối kỳ	Giường					
	- Số giường bệnh tư/ vạn dân đến năm cuối kỳ	Giường					
2	Tỉ suất chết của người mẹ trong thời gian thai sản trên 100.000 trẻ đẻ sống	Người					
3	Tỉ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰					
4	Tỉ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi tính đến năm cuối kỳ	‰					
5	Tỉ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%					
6	Tỉ lệ được sĩ đại học trên 1 vạn dân đến năm cuối kỳ	Dược sĩ					
7	Tỉ lệ điều dưỡng viên trên 1 vạn dân đến năm cuối kỳ	Điều dưỡng viên					
8	Tỉ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%					
D	GIÁO DỤC					Bộ Giáo dục và Đào tạo	

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Dự kiến giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
1	Tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp Trung học cơ sở	%					
2	Tỷ lệ học sinh đi học đúng tuổi cấp Trung học phổ thông	%					
E	MÔI TRƯỜNG					Bộ Nông nghiệp và Môi trường	
1	Tỷ lệ chất thải rắn được xử lý	%					
2	Tỷ lệ nước thải được xử lý	%					

BIỂU 13B
ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2016-2020	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Dự kiến giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
1	Tổng số doanh nghiệp đăng ký thành lập	Nghìn doanh nghiệp				Bộ Tài chính	
2	Số doanh nghiệp đăng ký mới	Nghìn doanh nghiệp					
3	Tổng số vốn đăng ký của doanh nghiệp dân doanh thành lập mới	Nghìn tỷ đồng					
4	Số doanh nghiệp đang hoạt động trong nền kinh tế	Nghìn doanh nghiệp					

BIỂU 14B
PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2016-2020	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Dự kiến giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
I	Hợp tác xã					Bộ Tài chính	
1	Tổng số hợp tác xã	Hợp tác xã					
	<i>Trong đó:</i>						
-	Số hợp tác xã thành lập mới	Hợp tác xã					
-	Số hợp tác xã giải thể	Hợp tác xã					
2	Tổng số thành viên hợp tác xã	Nghìn thành viên					
3	Tổng số lao động trong hợp tác xã đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh	Người					
II	Liên hiệp hợp tác xã					Bộ Tài chính	
	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	Liên hiệp hợp tác xã					
	<i>Trong đó:</i>						
	Số liên hiệp hợp tác xã thành lập mới	Liên hiệp hợp tác xã					
III	Tổ hợp tác					Bộ Tài chính	
1	Tổng số tổ hợp tác	Tổ hợp tác					
2	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên					

BIỂU 15B
MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU CỦA CÁC TỈNH,
THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2016-2020	Ước TH giai đoạn 2021-2025	Dự kiến giai đoạn 2026-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
1	Tốc độ tăng GRDP	%					
2	Quy mô GRDP theo giá hiện hành đến năm cuối kỳ	Nghìn tỷ đồng					
3	GRDP bình quân đầu người đến năm cuối kỳ	Triệu đồng/người					
4	Cơ cấu kinh tế						
	- Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%					
	- Công nghiệp và xây dựng	%					
	- Dịch vụ	%					
	- Thuế, trợ cấp sản phẩm	%					
5	Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn	Nghìn tỷ đồng					
6	Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn	Triệu USD					
7	Thu ngân sách địa phương						

	- Tổng thu NSNN trên địa bàn	Tỷ đồng					
	+ Thu nội địa	Tỷ đồng					
	<i>Trong đó:</i>						
	Thu từ tiền sử dụng đất	Tỷ đồng					
	Thu từ xổ số kiến thiết	Tỷ đồng					
	- Thu NSDP hưởng theo phân cấp	Tỷ đồng					
	<i>Trong đó:</i>						
	+ Thu NSDP hưởng 100%	Tỷ đồng					
	+ Thu NSDP hưởng từ các khoản theo phân chia	Tỷ đồng					
8	Chi ngân sách địa phương						
	- Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	Tỷ đồng					
	<i>Trong đó:</i>						
	+ Chi đầu tư phát triển	Tỷ đồng					
	+ Chi thường xuyên (bao gồm chi cải cách tiền lương, sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế)	Tỷ đồng					
9	Bội thu/Bội chi NSDP	Tỷ đồng					

10	Thứ hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)						
11	Thứ hạng Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI)						
12	Số doanh nghiệp đang hoạt động và kê khai thuế đến cuối kỳ báo cáo	Nghìn doanh nghiệp					
13	Về đầu tư FDI						
	- Số dự án còn hiệu lực lũy kế đến cuối kỳ báo cáo	Dự án					
	- Vốn đầu tư thực hiện	Triệu USD					
	- Vốn đăng ký	Triệu USD					
14	Dân số trung bình đến năm cuối kỳ	Nghìn người					
15	Mật độ dân số đến năm cuối kỳ	Người/Km2					
16	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đến năm cuối kỳ	Nghìn người					
17	Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc so với tổng dân số đến năm cuối kỳ	%					
18	Tỷ lệ lao động qua đào tạo Trong đó: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đến năm cuối kỳ	%					
19	Tỷ lệ rác thải sinh hoạt (ở đô thị và nông thôn) được thu gom và xử lý	%					
20	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã					
21	Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%					

22	Hộ nghèo theo chuẩn đa chiều	Hộ					
	- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%					
	- Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	Điểm %					
	<i>Một số chỉ tiêu đề xuất bổ sung</i>						

Ghi chú: Đề nghị 34/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo.

BIỂU 16B
MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU CỦA CÁC VÙNG KINH TẾ¹¹

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện giai đoạn 2021-2025						Dự kiến giai đoạn 2026-2030						Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
			Vùng Đồng bằng sông Hồng	Vùng Trung du và miền núi phía Bắc	Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	Vùng Tây nguyên	Vùng Đông Nam Bộ	Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Vùng Đồng bằng sông Hồng	Vùng Trung du và miền núi phía Bắc	Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	Vùng Tây nguyên	Vùng Đông Nam Bộ	Vùng Đồng bằng sông Cửu Long		
1	Dân số trung bình đến năm cuối kỳ	Nghìn người														
2	Mật độ dân số đến năm cuối kỳ	Người/Km2														
3	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đến năm cuối kỳ	Nghìn người														

¹¹ Bộ Tài chính sẽ tiếp tục rà soát trên cơ sở phương án phân vùng mới (sau sắp xếp đơn vị hành chính) khi được cấp có thẩm quyền thông qua.

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước thực hiện giai đoạn 2021-2025						Dự kiến giai đoạn 2026-2030						Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá, báo cáo	Kỳ báo cáo
			Vùng Đồng bằng sông Hồng	Vùng Trung du và miền núi phía Bắc	Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	Vùng Tây nguyên	Vùng Đông Nam Bộ	Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	Vùng Đồng bằng sông Hồng	Vùng Trung du và miền núi phía Bắc	Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	Vùng Tây nguyên	Vùng Đông Nam Bộ	Vùng Đồng bằng sông Cửu Long		
	<i>Trong đó có băng cấp, chứng chỉ</i>	%														
25	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đến năm cuối kỳ	%														
26	Tỷ lệ đô thị hoá đến năm cuối kỳ	%														

Ghi chú: đề nghị Cục Thống kê (Bộ Tài chính) báo cáo các số liệu kinh tế - xã hội về các vùng kinh tế.

Phụ lục III

DỰ KIẾN DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN QUAN TRỌNG, TRỌNG ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo văn bản số 16684/BTC-NSNN ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

STT	TÊN ĐỀ ÁN/CHƯƠNG TRÌNH	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	HÌNH THỨC VĂN BẢN
I	Bộ Dân tộc và Tôn giáo				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn II: từ năm 2026-2030	Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, địa phương liên quan	Tháng 8 (2026-2030)	Thủ tướng Chính phủ	Báo cáo ¹²
	...	...	...	...	...
II	Bộ Ngoại giao				
1	Đề án tổng thể Năm APEC 2027	Các bộ, ngành là thành viên UBQG APEC 2027	Quý I/2026 (dự kiến)	Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước, Bộ Chính trị	Đề án
2	Đề án tổng thể về Tuần lễ Cấp cao APEC 2027	Các bộ, ngành là thành viên UBQG APEC 2027	Quý I/2027 (dự kiến)	Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước, Bộ Chính trị	Đề án
	...	...	...	...	...

¹² Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hàng năm để Chính phủ báo cáo Quốc hội. Riêng năm 2030, Báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030.

STT	TÊN ĐỀ ÁN/CHƯƠNG TRÌNH	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN TRÌNH	CẤP TRÌNH	HÌNH THỨC VĂN BẢN
III	Bộ Công An				
					
IV	Ngân hàng nhà nước Việt Nam				
					
...					